

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2023-2024 (lần 2)

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo		
Mã học phần:	232_DAC0100 và 232_71ACCT30213	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	232_DAC0100_01 và 232_71ACCT30213_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có, tài liệu giấy	<input type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO2	Xác định yêu cầu và nhiệm vụ của kiểm toán viên trong quy trình kiểm toán	Tự luận+trắc nghiệm	30%	TN1,2,5,6,8,9,12,15,16	0.3đ/câu	
CLO3	Nêu nhận định về kiểm toán trong một số trường hợp đơn giản.	Tự luận+trắc nghiệm	20%	TN17,18,19,20 TL câu 2	0.3đ/câu TL 2đ	
CLO4	Vận dụng tư duy phản biện để đánh giá các bằng chứng kiểm toán và các sai sót trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính	Tự luận+trắc nghiệm	30%	TN3,10,13 TL câu 1	0.3đ/câu TL 2đ	
CLO5	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp	Tự luận+trắc nghiệm	20%	TN4,7,11,14	0.3đ/câu	

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đề án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

Phần I: Trắc nghiệm (6đ, gồm 20 câu mỗi câu 0,3đ)

Câu 1: Theo VSA 200, “Là rủi ro xảy ra sai sót trọng yếu, khi xét riêng lẻ hay tổng hợp lại, đối với cơ sở dữ liệu của một nhóm giao dịch, số dư tài khoản hay thông tin thuyết minh mà kiểm soát nội bộ của đơn vị không thể ngăn chặn hoặc không phát hiện và sửa chữa kịp thời”, đây là rủi ro gì?

- A. Rủi ro kiểm soát
- B. Rủi ro tiềm tàng
- C. Rủi ro phát hiện
- D. Rủi ro kiểm toán

ANSWER: A

Câu 2: Lý do chính của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính là?

- A. Cung cấp cho người sử dụng sự đảm bảo hợp lý về tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính
- B. Phát hiện ra các sai sót và gian lận trên các báo cáo tài chính
- C. Nhằm đáp ứng yêu cầu của luật pháp
- D. Làm giảm trách nhiệm của nhà quản lý đối với báo cáo tài chính

ANSWER: A

Câu 3: Trong kiểm toán báo cáo tài chính, thủ tục kiểm toán nào sau đây đáp ứng mục tiêu “nợ phải thu hiện hữu trong thực tế”?

- A. Gửi thư xác nhận nợ phải thu
- B. Chứng kiểm kê kê nợ phải thu
- C. Hỏi ban giám đốc đơn vị được kiểm toán về số dư nợ phải thu
- D. Đọc sổ chi tiết nợ phải thu

ANSWER: A

Câu 4: Trong chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, nguyên tắc đạo đức nào sẽ “Phải thẳng thắn và trung thực trong tất cả các mối quan hệ chuyên môn và kinh doanh. Chuẩn mực đó cũng yêu cầu việc hành xử một cách công bằng và đáng tin cậy”?

- A. Chính trực.
- B. Tư cách nghề nghiệp
- C. Khách quan
- D. Năng lực chuyên môn và tính thận trọng

ANSWER: A

Câu 5: Để kiểm tra sự hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán viên thường không sử dụng thủ tục nào dưới đây?

- A. Xác nhận
- B. Phỏng vấn
- C. Quan sát
- D. Thực hiện lại

Câu 6: Hãy chọn câu phát biểu sai:

- A. Chuẩn mực kiểm toán là cơ sở để đánh giá sự trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính.
- B. Chuẩn mực kế toán và các quy định có liên quan là cơ sở để đánh giá sự trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính.
- C. Chuẩn mực kiểm toán là những quy định và hướng dẫn về yêu cầu, nguyên tắc, thủ tục kiểm toán và xử lý các mối quan hệ phát sinh trong hoạt động kiểm toán
- D. Chuẩn mực kiểm toán là thước đo chất lượng kiểm toán

ANSWER: A

Câu 7: “ Khi kiểm toán viên không đánh giá được một cách thích hợp kết quả xét đoán hợp lý hay kết quả dịch vụ do chính họ hoặc do một cá nhân khác trong doanh nghiệp kế toán, kiểm toán hoặc trong doanh nghiệp, tổ chức nơi họ làm việc thực hiện trước đó, mà KTV sẽ dựa vào đó để hình thành xét đoán khi thực hiện các hoạt động hiện tại hoặc cung cấp dịch vụ hiện tại của mình”, theo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kiểm toán, đây là nguy cơ gì?

- A. nguy cơ tự kiểm tra.
- B. nguy cơ tư lợi.
- C. nguy cơ về sự bào chữa
- D. nguy cơ từ sự quen thuộc

ANSWER: A

Câu 8: Trong kiểm toán báo cáo tài chính, công việc nào dưới đây được kiểm toán viên thực hiện trong giai đoạn hoàn thành kiểm toán:

- A. Tổng hợp các sai sót chưa được điều chỉnh để xem chúng có trọng yếu hay không.
- B. Gửi thư xác nhận nợ phải thu.
- C. Phỏng vấn kiểm toán viên tiền nhiệm để đánh giá khả năng có thể kiểm toán cho khách hàng
- D. Thiết lập mức trọng yếu

ANSWER: A

Câu 9: Trách nhiệm giám sát việc thực hiện kiểm soát nội bộ chủ yếu thuộc về:

- A. Hội đồng quản trị.
- B. Kiểm toán viên độc lập.

- C. Cổ đông
- D. Nhân viên và các đối tượng bên ngoài

ANSWER: A

Câu 10: Kiểm toán viên A được giao phụ trách kiểm toán tiền mặt. Khi tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ, A được biết thủ quỹ công ty kiêm nhiệm kế toán tiền mặt, vì vậy A quyết định tăng cường thử nghiệm kiểm soát. Cho biết A làm đúng hay sai?

- A. sai.
- B. đúng

ANSWER: A

Câu 11: Trong kiểm toán báo cáo tài chính, ai là người chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính của đơn vị được kiểm toán?

- A. Giám đốc đơn vị
- B. Kiểm toán viên nội bộ của đơn vị
- C. Kế toán trưởng của đơn vị
- D. Kiểm toán viên độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị

ANSWER: A

Câu 12: Thử nghiệm kiểm soát là thủ tục do ai thực hiện

- A. Kiểm toán viên.
- B. Kế toán đơn vị được kiểm toán.
- C. Kế toán đơn vị được kiểm toán hoặc Kiểm toán viên tùy từng hợp đồng kiểm toán
- D. Cả 3 phương án đều sai

ANSWER: A

Câu 13: Kiểm toán viên A được phụ trách kiểm toán khoản mục hàng tồn kho cho báo cáo tài chính ngày 31/12/XX của 2 công ty khác nhau. Công ty thứ 1 kinh doanh xe và phụ tùng chuyên dùng trong xây dựng, công ty thứ 2 chuyên bán lẻ hàng trang sức. Hãy cho biết công ty nào có rủi ro tiềm tàng cao hơn:

- A. Công ty thứ 2
- B. Công ty thứ 1

ANSWER: A

Câu 14: “Thủ tục hữu hiệu nhất để kiểm tra tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và một số tài sản khác là chứng kiến kiểm kê. Chỉ có chứng kiến kiểm kê mới cung cấp cho kiểm toán viên sự đảm bảo về độ chính xác của số tiền trên bảng cân đối kế toán”. Hãy cho biết nhận xét này đúng hay sai?

- A. Sai.
- B. Đúng

ANSWER: A

Câu 15: Bộ phận nào trong hệ thống kiểm soát nội bộ sẽ “đánh giá chất lượng của hệ thống kiểm soát nội bộ để có các điều chỉnh, cải tiến thích hợp”?

- A. Giám sát.
- B. Thông tin và truyền thông.
- C. Đánh giá

D. Môi trường kiểm soát

ANSWER: A

Câu 16: Thứ tự các bước trong quá trình tìm hiểu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của kiểm toán viên là: (chọn câu hợp lý nhất)

- A. Tìm hiểu về hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá sơ bộ rủi ro kiểm soát, thực hiện thử nghiệm kiểm soát; đánh giá lại rủi ro kiểm soát, thiết kế các thử nghiệm cơ bản.
- B. Thiết kế các thử nghiệm cơ bản, tìm hiểu sơ bộ về hệ thống kiểm soát nội bộ; thực hiện thử nghiệm kiểm soát; đánh giá lại rủi ro kiểm soát.
- C. Tìm hiểu sơ bộ về hệ thống kiểm soát nội bộ; thực hiện thử nghiệm kiểm soát; thiết kế các thử nghiệm cơ bản; đánh giá lại rủi ro kiểm soát
- D. Thực hiện thử nghiệm kiểm soát, tìm hiểu sơ bộ về hệ thống kiểm soát nội bộ; thiết kế các thử nghiệm cơ bản; đánh giá lại rủi ro kiểm soát

ANSWER: A

Câu 17: “Là rủi ro tiềm ẩn, vốn có, do khả năng cơ sở dẫn liệu của một nhóm giao dịch, số dư tài khoản hay thông tin thuyết minh có thể chứa đựng sai sót trọng yếu, khi xét riêng lẻ hay tổng hợp lại, trước khi xem xét đến bất kỳ kiểm soát nào có liên quan”, đây là rủi ro gì?

- A. Rủi ro tiềm tàng.
- B. Rủi ro kiểm soát.
- C. Rủi ro phát hiện
- D. Rủi ro kiểm toán

ANSWER: A

Câu 18: Chọn câu phát biểu sai:

- A. *Chương trình kiểm toán* là những chỉ dẫn cho kế toán viên thực hiện.
- B. *Chương trình kiểm toán* là những chỉ dẫn cho kiểm toán viên thực hiện.
- C. *Chương trình kiểm toán* là chi tiết những công việc kiểm toán viên thực hiện
- D. *Chương trình kiểm toán* là phương tiện ghi chép theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện kiểm toán

ANSWER: A

Câu 19: “Khoản đầu tư của Công ty vào Công ty liên doanh DEF (tại nước X) đang được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là XXX VND, chiếm hơn 90% giá trị tài sản thuần của Công ty tại ngày 31/12/20x1. Chúng tôi đã không được phép tiếp cận với Ban Giám đốc và kiểm toán viên của Công ty DEF cũng như tài liệu, hồ sơ kiểm toán của kiểm toán viên Công ty DEF. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần điều chỉnh đối với: (1) phần tài sản của Công ty trong tài sản của DEF mà Công ty có quyền đồng kiểm soát; (2) phần nợ phải trả Công ty trong các khoản nợ phải trả của DEF mà Công ty phải cùng chịu trách nhiệm; (3) phần sở hữu của Công ty trong thu nhập, chi phí của DEF trong năm; (4) các khoản mục trong Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có) và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”. Trường hợp này, kiểm toán viên sẽ nêu ý kiến

- A. Ý kiến từ chối.
- B. Ý kiến trái ngược.
- C. Ý kiến ngoại trừ
- D. Ý kiến ngoại trừ kèm đoạn nhấn mạnh.

ANSWER: A

Câu 20: Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty A niên độ kết thúc 31/12/X1, và bắt đầu thực hiện kiểm từ ngày 30/9/X1. Ngày 17/1/X2, kiểm toán viên nhận báo cáo từ công ty A. Kiểm toán viên phát hành báo cáo vào ngày 16/2/X2. Như vậy thông thường Thư giải trình của giám đốc sẽ được ghi vào ngày:

- A. 16/2/X2.
- B. 30/9/X1.
- C. 17/1/X2
- D. bất cứ ngày nào

ANSWER: A

Phần II: Tự luận (4 điểm, gồm 2 câu mỗi câu 2 đ)

Câu 1: (2 điểm)

Trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính của công ty CST cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.20XX, kiểm toán viên phát hiện tình huống sau:

Trong năm 20XX, CST bán chịu 1 lô hàng, giá bán chưa thuế là 980 triệu đ (thuế GTGT 10%), giá gốc là 780 triệu đồng. Tuy nhiên, CST ghi sổ nhằm doanh thu của lô hàng này là 890 triệu đồng và ghi thuế GTGT 10% đúng theo hóa đơn, giá vốn ghi đúng.

Cho biết thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%. Công ty kê khai thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Yêu cầu:

- Xác định ảnh hưởng của sai sót trên đến Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 20XX.
- Thực hiện các bút toán điều chỉnh nếu có cho sai sót trên..

Câu 2. (2 điểm) : Hãy sắp xếp các bằng chứng kiểm toán sau theo mức độ tin cậy giảm dần và kèm theo giải thích:

Bằng chứng	Sắp xếp	Giải thích
Phiếu chi của đơn vị được kiểm toán		
Phiếu chứng kiến kiểm kê tiền mặt do Kiểm toán viên lập, có xác nhận của đơn vị được kiểm toán.		
Hóa đơn mua hàng của nhà cung cấp lưu tại đơn vị được kiểm toán.		
Thư xác nhận nợ phải thu gửi trực tiếp cho kiểm toán viên		

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú	
I. Trắc nghiệm		6.0		
Câu 1 – 20	Đáp án A	0.3		
II. Tự luận		4.0		
Câu 1	Xác định ảnh hưởng đến bảng BCKQKD: mỗi chỉ tiêu đúng 0,2đ -Doanh thu: -90 -LN trước thuế: -90 -Thuế TNDN: -18 (90*20%) - LN sau thuế: -72 (90-18)	0.8		
	Xác định ảnh hưởng đến bảng CĐKT: mỗi chỉ tiêu đúng 0,2đ - LN chưa phân phối: -72 - Thuế TNDN:-18 - Phải thu khách hàng:-90	0.6		
	Thực hiện bút toán điều chỉnh 1. Nợ TK 131 90 Có TK 511 90 0,4đ 2. N8211/C3334 18 0,1đ 3. N911/421 72 0,1đ	0.6		
Câu 2	Đáp án: mỗi ô đúng 0.25đ	2.0		
	Sắp xếp			Giải thích
	Phiếu chứng kiến kiểm kê tiền mặt do Kiểm toán viên lập, có xác nhận của đơn vị được kiểm toán.			Bảng chứng vật chất
	Thư xác nhận nợ phải thu gửi trực tiếp cho kiểm toán viên	Bảng chứng bên ngoài gửi trực tiếp KTV		

	Hóa đơn mua hàng của nhà cung cấp lưu tại đơn vị được kiểm toán.	Bảng chứng bên ngoài lưu tại đơn vị		
	Phiếu chi của đơn vị được kiểm toán	Bảng chứng bên trong đơn vị		
	Điểm tổng		10.0	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18..... tháng 3..... năm 2024

Giảng viên ra đề

Phan Minh Nguyệt

Nguyễn Thị Phước